

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2022

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** **Chị Đoàn Thị H** - sinh năm 1994; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ hiện nay: đường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình.

**Bị đơn:** **Anh Phạm Ngọc H1** - sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ hiện nay: Số Z, đoạn Z1, đường Z2, quận L1, thành phố Đ, Đài Loan.

*(Chị H, anh H1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2022 và Bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì chị Đoàn Thị H yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung với anh Phạm Ngọc H1 và trình bày cụ thể như sau:

Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/02/2012. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

chị H và anh H1 bất đồng tính cách, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, chị H và mẹ đẻ anh H1 tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất hòa. Ngày 18/02/2020, anh H1 đi lao động tại Đài Loan. Trước ngày anh H1 đi Đài Loan, chị H với anh H1 có xảy ra cãi nhau nên ngay sau khi anh H1 đi, chị H đã đưa con thứ hai về sống cùng ông bà ngoại từ đó đến nay. Cũng từ thời điểm đó, chị H anh H1 không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Do con thứ nhất của anh chị sống cùng với bố mẹ đẻ anh H1, thỉnh thoảng chị H có đến nhà bố mẹ đẻ anh H1 để đón con về chơi nhưng không còn giữ quan hệ thân thiết gì với gia đình anh H1 nữa. Đến nay, chị và anh H1 không còn tình cảm với nhau. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Phạm Ngọc H2, sinh ngày 03/7/2013 và Phạm Thu H3, sinh ngày 20/02/2016. Con H2 hiện đang sống cùng ông bà nội, con H3 hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị nuôi con H3, anh H1 nuôi con H2. Chị H và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

**\*/ Anh Phạm Ngọc H1 trình bày:**

Anh H1 xác nhận việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh H1 và chị H như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng về tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và trong thời gian chung sống cùng gia đình bố mẹ anh H1, chị H và mẹ đẻ anh H1 thường xuyên xảy ra bất hòa do tính cách không hợp nhau. Ngày 18/02/2020, anh H1 đi lao động tại Đài Loan. Ngay sau khi anh H1 đi, chị H đã đưa con thứ hai về sống cùng ông bà ngoại và để con thứ nhất lại sống cùng với bố mẹ đẻ anh H1. Cũng từ đó, anh H1 và chị H sống ly thân, chấm dứt mọi liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh H1 xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh H1 đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh H1 và chị H có 02 con chung như chị H đã trình bày. Ly hôn, anh H1 đồng ý với yêu cầu của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H nuôi con H3, anh H1 nuôi con H2. Chị H và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, anh đề nghị mẹ đẻ anh là bà Phạm Thị N giúp anh nuôi dưỡng con H2 cho đến khi anh về nước. Anh đề nghị Tòa án ghi ý kiến của bà N về vấn đề này. Nếu bà N không đồng ý nuôi dưỡng cháu H2 trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, anh H1 đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh H1 sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/1 con/tháng cho đến khi anh về nước anh sẽ yêu cầu thay đổi quyền nuôi con sau.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H1 và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

**\*/ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961, địa chỉ tại thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ của anh Phạm Ngọc H1) trình bày:**

Bà N trình bày việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh H1 và chị H như anh chị đã trình bày. Bà không rõ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị H, anh H1 phát sinh như thế nào và từ bao giờ nhưng đến khi anh H1 đi lao động tại Đài Loan thì hai vợ chồng có xảy ra cãi cọ nhau, chị H đã bế con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ hai vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng anh H1 nói với bà là vợ chồng anh không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, anh đồng ý ly hôn với chị H. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh H1 như ý kiến của anh chị và bà đồng ý thay anh H1 nuôi dạy cháu Phạm Ngọc H2 trong thời gian anh H1 ở nước ngoài. Bà có đủ điều kiện về sức khỏe, thời gian, kinh tế để nuôi dạy cháu H2 giúp anh H1.

**\*/ Cháu Phạm Ngọc H2** (con chung của chị H, anh H1) trình bày nguyện vọng muốn được sống với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, cháu H2 đồng ý sống với bà nội, vì bà nội cháu luôn chăm lo và yêu thương cháu.

**\*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và quá trình xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Đoàn Thị H ly hôn anh Phạm Ngọc H1. Về quan hệ con chung: xử giao cho chị H nuôi con Phạm Thu H3, anh H1 nuôi con Phạm Ngọc H2; trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, mẹ đẻ anh H1 là bà Phạm Thị N thay mặt anh H1 nuôi dưỡng cháu H2. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Đoàn Thị H xin ly hôn anh Phạm Ngọc H1 theo thủ tục chung, chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ; chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn - anh Phạm Ngọc H1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu trình bày quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, anh H1 cũng đã gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cho Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

## **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị H và anh Phạm Ngọc H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/02/2012, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian đầu chung sống chung hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H và anh H1 bất đồng tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ngoài ra giữa chị H và mẹ đẻ anh H1 cũng bất hòa do tính cách không hợp nhau. Ngày 18/02/2020, anh H1 đi lao động tại Đài Loan. Ngay sau khi anh H1 đi, chị H đã đưa con thứ hai về sống cùng ông bà ngoại, chị H và anh H1 không còn giữ liên lạc với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị đã không còn tình cảm với nhau và không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống.

Xét thấy, mâu thuẫn của chị H và anh H1 đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh H1 là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung như anh chị đã trình bày. Xét thỏa thuận về nuôi con của anh chị sau ly hôn thì thấy: Con thứ hai đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Con thứ nhất hiện đang do mẹ đẻ của anh H1 là bà N trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian dài, con H2 được chăm sóc tốt, phát triển tốt, bà N nhất trí tiếp tục nuôi dạy con H2 giúp anh H1 trong thời gian anh H1 ở nước ngoài và bà có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con H2. Để đảm bảo việc ổn định đời sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con chung, cần giao con H3 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

**[1]** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc H1.

**[2]** Về quan hệ con chung: Giao con Phạm Ngọc H2, sinh ngày 03/7/2013 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phạm Thu H3, sinh ngày 20/02/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị H, anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

**[3]** Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

**[4]** Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005376 ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị H, anh H1. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÌ - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Bình**